TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HS-ST
Ngày: 06-3-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Chí Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Thanh Học.

Ông Phan Văn Huy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:

Ông Phạm Văn Ni – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 02 và ngày 06 tháng 3 năm 2020, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 45/2019/TLST-HS, ngày 27 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-HS, ngày 10 tháng 02 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Lộc Cô N. Sinh năm: 1993 tại H – Kiên Giang. Nơi cư trú: Tổ 9, Khu phố 3, phường P, thành phố H, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Ngư phủ; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lộc Th và bà Thị K; vợ, con: không có; tiền án: không, tiền sự: không; nhân thân: tốt; bị cáo được tại ngoại. (có mặt)

2. Lộc Sà T. Tên gọi khác: C. Sinh ngày 25/9/1996 tại H – Kiên Giang. Nơi cư trú: Tổ 9, Khu phố 3, phường P, thành phố H, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Ngư phủ; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lộc Th và bà Thị K; vợ, con: không có; tiền án: không, tiền sự: không; nhân thân: tốt; bị cáo được tại ngoại. (có mặt)

- *Người bào chữa:* Ông Đoàn Công T, là Luật sư của Văn phòng luật sư Đoàn Công T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang bào chữa cho các bị cáo Lộc Cô N và Lộc Sà T. (có mặt)

- *Bị hại:*

1. Anh Lý Văn S, sinh năm 1997. Địa chỉ: Tổ 3, Khu phố 3, phường P, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

2. Anh Lộc Ái X, sinh năm 2001. Địa chỉ: Tổ 4, Khu phố 3, phường P, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Lộc Th, sinh năm 1951. Địa chỉ: Tổ 9, Khu phố 3, phường P, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Lộc T2; (có mặt)

2. Lộc T3; (có mặt)

3. Lộc C; (có mặt)

4. Thị Kim L; (có mặt)

5. Lộc Đ; (vắng mặt)

6. Danh Quốc Th; (có mặt)

7. Thị Q; (có mặt)

8. Lộc T4; (có mặt)

9. Khui Sóc C; (có mặt)

10. Trần Văn B; (vắng mặt)

11. Lý Văn M. (có mặt)

- *Người phiên dịch:* Ông Danh M. Nơi công tác: Trường phổ thông dân tộc nội trú H, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo nội dung bản Cáo trạng số: 01/CT-VKSHT ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang đã truy tố Lộc Cô N, Lộc Sà T về hành vi cố ý gây thương tích như sau:

Khoảng 17 giờ, ngày 08/10/2018 tại Khu phố 3, phường P, thành phố H, Lộc T3 đi bán cá ngựa về gặp Lý Văn S chỉ tay khiêu khích. Lộc T3 về kể lại cho Lộc Cô N, Lộc Sà T, Lộc C và Lộc T2 nghe và rủ nhau đi tìm S thì cả nhóm đồng ý. Lộc Cô N đi vào nhà bếp lấy cây dao quắm giấu trong người. Khi đến nhà thì không gặp Lý Văn S nên cả nhóm bỏ về. Lộc Sà T điều khiển xe máy chở Lộc Cô N và Lộc T2 chạy trước, khi đến ngã ba đường Tỉnh lộ 28 - đường vào bãi trước khu du lịch M thì gặp Lý Văn S điều khiển xe máy chở Lộc Ái X chạy đến. Lộc Sà T điều khiển xe áp sát chặn đầu xe của Lý Văn S, Lộc Cô N dùng dao chém trúng vào bàn tay trái của Lộc Ái X gây thương tích, Lộc Ái X bỏ chạy. Lộc Sà T thì dùng tay kẹp cổ Lý Văn S, Lộc Cô N dùng dao đánh trúng vào vùng lưng nhiều cái, Lý Văn S vùng vẫy thoát ra bỏ chạy; Lộc Sà T và Lộc Cô N đuổi theo, Lộc Cô N ném cây dao trúng vào cẳng tay trái Lý Văn S gây thương tích.

Lý Văn S điều trị tại Trung tâm y tế thành phố H đến ngày 11/10/2018 ra viện; còn Lộc Ái X được đưa đến Trung tâm y tế thành phố H băng bó vết thương rồi chuyển đến Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kiên Giang điều trị đến ngày

12/10/2018 ra viện. Ngày 29/11/2018, Lộc Ái X và Lý Văn S làm đơn yêu cầu khởi tố đối với Lộc Cô N.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 73/KL-PY ngày 09/01/2019 của Trung tâm pháp y- Sở y tế tỉnh Kiên Giang kết luận thương tích đối với Lý Văn S, (BL 90-92).

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

Sẹo mềm vùng lưng - vai phải, lưng phải, lưng trái và cẳng tay trái.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 03% *(*Ba phần trăm).

3. Vật gây thương tích: Vật sắc.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích (bổ sung) số 637/KL-PY ngày 27/11/2019 của Trung tâm pháp y - Sở y tế tỉnh Kiên Giang kết luận:

Vật chứng: Cây dao gửi giám định gây được thương tích ở vùng lưng- vai phải, lưng phải, lưng trái và cẳng tay trái của Lý Văn S (BL 97-99)

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 74/KL-PY ngày 09/01/2019 của Trung tâm pháp y- Sở y tế tỉnh Kiên Giang kết luận thương tích đối với Lộc Ái X (BL 93-95).

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

Sẹo xơ cứng bàn tay trái, đứt gân duỗi ngón II, III, IV, V gãy xương bàn II-III, xương đốt gần ngón IV- V tay trái. Hiện tại còn hạn chế chức năng vận động gấp – duỗi khớp bàn ngón II, III, IV, V.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 25% (Hai mươi lăm phần trăm).

3. Vật gây thương tích: Vật sắc.

Vật chứng trong vụ án

1) Một cây dao quắm bằng kim loại màu đen, chiều dài 51cm, lưỡi dao sắc, mũi dao có hình bầu rộng 08cm (dao đã qua sử dụng);

2) Một đoạn cây tre dạng trụ tròn, chiều dài 88cm, đường kính rộng 4,5cm.

Các vật chứng nêu trên hiện đang bảo quản tại kho vật chứng Chi cục thi hành án dân sự thành phố H.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Lộc Cô N, thay đổi khoản truy tố đối với bị cáo Lộc Sà T và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Lộc Cô N, Lộc Sà T phạm Tội cố ý gây thương tích.

- Áp dụng điểm c, đ khoản 2 Điều 134, Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lộc Cô N mức án từ 15 đến 18 tháng tù.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134, Điều 65, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lộc Sà T mức án từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị buộc các bị cáo có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho các bị hại theo quy định của pháp luật.

- Về vật chứng: Đề nghị tịch thu, tiêu hủy một đoạn cây tre dạng trụ tròn, chiều dài 88cm, đường kính rộng 4,5cm. Đối với một cây dao quắm bằng kim loại màu đen, chiều dài 51cm, lưỡi dao sắc, mũi dao có hình bầu rộng 08cm thuộc quyền sở hữu của ông Lộc Th nên cần trao trả lại cho ông Lộc Th.

- Về án phí: Buộc các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều yêu cầu để cho người bào chữa trình bày lời bào chữa cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, Luật sư Đoàn Công T trình bày lời bào chữa cho các bị cáo như sau: Luật sư thống nhất quan điểm luận tội và đề nghị của Kiểm sát viên về việc đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự đối với bị

cáo Lộc Sà T, đây là việc thể hiện được tính nhân đạo và phù hợp tình tiết khách quan của vụ án thông qua việc xét hỏi, làm rõ tại phiên tòa. Tuy nhiên, Luật sư có những quan điểm, ý kiến đối với vụ án như sau:

Về tố tụng: Điều 243 của Bộ luật Tố tụng hình sự có quy định Bản cáo trạng phải nêu nguyên nhân và điều kiện dẫn đến hành vi phạm tội và tình tiết khác có ý nghĩa đối với vụ án, nhưng Cáo trạng của Viện kiểm sát không nêu là có khiếm khuyết. Điều 155 của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định về việc khởi tố vụ án theo yêu cầu của bị hại, đơn yêu cầu khởi tố của các bị hại chỉ yêu cầu khởi tố đối với Lộc Cô N mà không có yêu cầu khởi tố đối với Lộc Sà T. Trong khi tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lộc Sà T, đây thuộc trường hợp khởi tố theo yêu cầu của bị hại quy định tại Điều 155 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Lộc Sà T.

Về chứng cứ: Các bị cáo và những người làm chứng là anh em ruột của các bị cáo đều khai thống nhất khi hai xe áp sát vào nhau thì bị hại X cầm ống tuýp sắt đánh các bị cáo trước. Tại phiên tòa, người làm chứng bà Thị Kim L khai bị hại X có cầm khúc tre to bằng ngón tay, dài từ 1 đến 2 mét, vậy khúc tre đó ở đâu, có hay không việc bị hại tấn công trước, vì về tâm lý thì một người khi bị tấn công sẽ có phản ứng phòng vệ lại. Lời khai của bị hại X có mâu thuẫn, lúc thì khai bị chém trước khi té, có khi khai bị chém sau khi té.

Về nguyên nhân dẫn đến việc đánh nhau: Vụ việc xuất phát từ bị hại S, vì năm 2015 bị hại S từng có hành vi đánh bốn người trong gia đình của các bị cáo, trong đó có bị cáo Lộc Cô N. Hậu quả là cả bốn người phải đi điều trị tại bệnh viện. Vụ việc đã có quyết định khởi tố vụ án hình sự nhưng sau đó không hiểu lý do gì mà Cơ quan điều tra lại tạm đình chỉ vụ án. Điều này cho thấy hai bên đã có xung đột từ trước nhưng cơ quan Công an không giải quyết đến nơi đến chốn nên mâu thuẫn kéo dài, khi gặp nhau ngoài đường, bị hại S có hành vi dùng tay khiêu khích người nhà bị cáo dẫn đến việc đánh nhau.

Về tình tiết định khung tăng nặng đối với bị cáo Lộc Cô N: Viện kiểm sát đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là tình tiết phạm tội hai lần trở lên đối với bị cáo Lộc Cô N là không đúng. Bởi vì, phạm tội hai lần trở lên thì mỗi lần phạm tội đều phải độc lập, không cùng lúc về mặt thời gian. Vì vậy, không thể áp dụng điểm c khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lộc Cô N.

Về tình tiết giảm nhẹ: Ngoài tình tiết giảm nhẹ mà Kiểm sát viên đã đề nghị, các bị cáo đều là người dân tộc Khơ me, học vấn thấp nên trình độ hiểu biết pháp luật còn hạn chế; cha của các bị cáo – ông Lộc Th là người có công với cách mạng, nên cần xem xét áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo.

Với những căn cứ, lập luận nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc giảm nhẹ tối đa cho bị cáo Lộc Cô N, bởi những nguyên nhân trước đây không được giải quyết triệt để, bị hại S có hành vi khiêu khích trước nên dẫn đến xảy ra vụ án. Đối với bị cáo Lộc Sà T, đề nghị Hội đồng xét xử miễn hình phạt hoặc áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để chuyển sang hình phạt khác không phải là giam giữ, vì vai trò của bị cáo T không đáng kể. Nếu Hội đồng xét xử xác định bị hại có hành vi tấn công trước thì đề nghị tuyên các bị cáo không phạm tội do các bị cáo chỉ có hành vi phòng vệ. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trong bản án kiến nghị Cơ quan điều tra phục hồi điều tra đối với vụ án cố ý gây thương tích xảy ra vào năm 2015 do bị hại S đã gây ra cho gia đình bị cáo.

Tại phiên tòa, các bị hại anh S và anh X đều yêu cầu xử lý các bị cáo theo quy định của pháp luật và yêu cầu bị cáo Lộc Cô N phải bồi thường các khoản thiệt hại mà các bị hại đã làm bảng kê có trong hồ sơ vụ án. Riêng anh X yêu cầu bồi thường thêm khoản tiền tổn thất tinh thần là hai triệu đồng.

Tại phiên tòa, ông Lộc Th trình bày đối với vật chứng là cây dao do Hội đồng xét xử quyết định, giao trả hoặc tịch thu để tiêu hủy ông đều không có ý kiến.

Kiểm sát viên có ý kiến đối đáp lại quan điểm của Luật sư như sau:

Về khiếm khuyết của cáo trạng: Tuy cáo trạng không ghi rõ nguyên nhân, điều kiện dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo nhưng cũng đã có gián tiếp đề cập nguyên nhân có mâu thuẫn từ trước. Vì vậy Viện kiểm sát đã không áp dụng tình tiết tăng nặng có tính chất côn đồ đối với bị cáo.

Mặc dù quá trình điều tra, bị cáo Lộc Cô N không thừa nhận có gây thương tích cho anh S, nhưng qua lời khai của các bị cáo và những người làm chứng đều thể hiện chỉ có Lộc Cô N là người dùng dao, người làm chứng anh Lộc T3 cũng khai Lộc Cô N lấy dao đánh S. Kết luận giám định cũng thể hiện vật chứng là cây dao gây thương tích được cho các vết thương của anh S. Vì vậy, có cơ sở xác định thương tích của anh S là do bị cáo Lộc Cô N trực tiếp gây ra.

Về việc bị hại Sơn không có yêu cầu khởi tố đối với Lộc Sà T, đơn yêu cầu khởi tố của anh S ban đầu chỉ yêu cầu khởi tố Lộc Cô N, nhưng qua điều tra xác định được Lộc Sà T có hành vi kẹp cổ anh S cho Lộc Cô N đánh gây thương tích nên Lộc Sà T là đồng phạm với Lộc Cô N với vai trò giúp sức.

Đối với việc các bị cáo và những người làm chứng là anh em ruột của bị cáo đều khai bị hại X có cầm ống tuýp sắt tấn công các bị cáo trước nhưng không có chứng cứ để chứng minh và các bị cáo cũng không có bị thương tích gì. Tại phiên tòa, bà Thị Kim L khai có thấy bị hại Xuân cầm đoạn tre to bằng ngón tay, dài từ 1 đến 2 mét, đây là cần câu cá mà các bị hại trên đường đi câu cá về thì bị chặn đánh.

Về việc đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lộc Cô N, tình tiết phạm tội nhiều lần đã được hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, đến nay chưa có hướng dẫn khác thay thế nên còn giá trị áp dụng tương tự. Vì vậy, hành vi của bị cáo gây thương tích cho anh X và anh S đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm độc lập của tội Cố ý gây thương tích đối với từng bị hại, không nhất thiết phải khác thời điểm, nên bị cáo Lộc Cô N phạm tội với tình tiết định khung phạm tội hai lần trở lên là hoàn toàn phù hợp và

đúng quy định của pháp luật. Do các bị cáo đã nộp tiền khắc phục một phần thiệt hại cho các bị hại vào ngày 03/3/2020 nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo.

Luật sư tranh luận lại như sau: Giữ nguyên quan điểm bào chữa nêu trên. Nếu áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự đối với Lộc Sà T là thuộc trường hợp khởi tố theo yêu cầu của bị hại, trong khi bị hại S không có yêu cầu khởi tố với bị cáo Lộc Sà T. Vì vậy, không đặt ra vấn đề xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Lộc Sà T. Tình tiết phạm tội nhiều lần phải là phạm tội ở hai vụ khác nhau, không phải cùng một lúc nên không thể áp dụng điểm c khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lộc Cô N. Thống nhất việc Kiểm sát viên bổ sung các tình tiết giảm nhẹ mới và xem xét đề nghị giảm mức hình phạt cho các bị cáo.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Các bị cáo đều nói xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội. Qua xem xét các lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, tại phiên tòa và lời khai của những người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và chứng minh tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 17 giờ, ngày 08/10/2018, tại Khu phố 3, phường P, thành phố H, Lộc Sà T điều khiển xe máy chở Lộc Cô N và Lộc T3 tìm Lý Văn S để giải quyết mâu thuẫn. Khi thấy Lý Văn S điều khiển xe máy chở Lộc Ái X, Lộc Sà T điều khiển xe áp sát chặn đầu xe của Lý Văn S, sau đó Lộc Cô N dùng dao chém trúng vào bàn tay trái của Lộc Ái X gây thương tích 25%; còn Lý Văn S bị Lộc Sà T dùng tay kẹp cổ cho Lộc Cô N dùng dao đánh trúng vào vùng lưng và sau đó Lộc Cô N rượt theo và dùng dao ném trúng cẳng tay trái của anh S gây

thương tích 03%. Quá trình điều tra, Lộc Cô N không thừa nhận có hành vi dùng dao đánh vào vùng lưng, rượt và ném dao trúng cẳng tay trái của anh S, nhưng qua diễn biến vụ án, kết quả giám định thương tích và vật gây thương tích cùng những lời khai của các bị cáo và những người làm chứng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định thương tích ở vùng lưng và cẳng tay trái của anh S là do bị cáo Lộc Cô N dùng dao trực tiếp gây nên. Hành vi của Lộc Cô N đã cấu thành Tội cố ý gây thương tích được quy định tại điểm c, đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự, còn hành vi của Lộc Sà T đã cấu thành Tội cố ý gây thương tích được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Cụ thể:

"Điều 134. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người;

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

……

c) Phạm tội 02 lần trở lên;

d) Tái phạm nguy hiểm;

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.…"

[2] Về tội danh và điều khoản truy tố: Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố các bị cáo về Tội cố ý gây thương tích là hoàn toàn có

căn cứ, đúng pháp luật. Việc truy tố bị cáo Lộc Cô N theo quy định tại điểm c, đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn phù hợp. Riêng đối với bị cáo Lộc Sà T bị truy tố cùng với Lộc Cô N với vai trò đồng phạm theo điểm c, đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là chưa phù hợp. Bởi theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, diễn biến hành vi phạm tội và kết quả tranh luận tại phiên tòa thể hiện việc Lộc Cô N tự giấu cây dao quắm đem theo và khi Lộc Sà T chặn đầu xe của anh Lý Văn S thì Lộc Cô N cầm dao chém anh Lộc Ái X là ngoài ý thức chủ quan của Lộc Sà T. Lộc Sà T luôn khẳng định việc Lộc Cô N chém Lộc Ái X thì Lộc Sà T không hay biết, chỉ sau khi kết thúc vụ việc thì mới nghe Lộc Cô N kể lại. Ngay từ đầu, các bị cáo chỉ muốn tìm anh Lý Văn S để giải quyết mâu thuẫn, việc anh Lộc Ái X ngồi sau xe do anh S điều khiển và bị Lộc Cô N chém gây thương tích là ngoài ý muốn của Lộc Sà T. Theo lời khai của bị cáo Lộc Cô N và những người làm chứng là anh, em ruột của bị cáo Lộc Cô N cùng đi tìm anh S đều khai nhận anh Lộc Ái X cầm ống tuýp đánh về phía Lộc Cô N trước nên Lộc Cô N mới dùng dao đánh lại. Tuy nhiên đây chỉ là lời khai một chiều của anh, em các bị cáo trong khi các bị hại đều phủ nhận và cũng không có người nào khác chứng kiến cũng như không có chứng cứ chứng minh. Hơn nữa, người làm chứng anh Lộc C tự nhặt ống tuýp sắt đem về nhà cất và sau đó giao nộp cho cơ quan Công an mà không phải do cơ quan có thẩm quyền thu giữ tại hiện trường theo trình tự thủ tục luật định. Vì vậy không có cơ sở chấp nhận lời khai nại nêu trên của các bị cáo. Do đây là vụ án đồng phạm mang tính chất giản đơn, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là người thực hành, giúp sức. Lộc Cô N là người trực tiếp gây thương tích cho anh Lộc Ái X nên bị cáo Lộc Cô N phải chịu trách nhiệm đối với thương tích của anh X. Căn cứ khoản 4 Điều 17 của Bộ luật Hình sự, bị cáo Lộc Sà T không phải chịu trách nhiệm đối với hành vi vượt quá của bị cáo Lộc Cô N gây thương tích cho anh X mà chỉ phải chịu trách nhiệm đối với thương tích của anh Lý Văn S. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo Lộc Sà T chỉ phạm vào điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Cho nên tại phiên tòa, đại diện Viện

kiểm sát thay đổi quan điểm truy tố đối với bị cáo Lộc Sà T là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Luật sư bào chữa cho các bị cáo nêu quan điểm cho rằng không xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Lộc Sà T vì bị hại S không có yêu cầu khởi tố đối với bị cáo là không phù hợp. Lúc đầu anh S chỉ có đơn yêu cầu khởi tố đối với Lộc Cô N là bởi vì anh S xác định thương tích của bản thân là do Lộc Cô N gây nên. Qua điều tra mới xác định được Lộc Sà T đồng phạm với Lộc Cô N trong việc gây thương tích cho anh S với vai trò giúp sức. Luật sư lập luận cho rằng không có căn cứ áp dụng tình tiết phạm tội hai lần trở lên được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lộc Cô N. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Lộc Cô N thực hiện hành vi cố ý gây thương tích đối với từng bị hại đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm độc lập nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết định khung tăng nặng phạm tội hai lần trở lên. Luật sư cho rằng bị hại S có hành vi dùng tay khiêu khích trước, bị hại X dùng ống tuýp tấn công các bị cáo trước nhưng đây đều chỉ là lời khai một chiều của các bị cáo và anh, em ruột của bị cáo mà không có chứng cứ gì chứng minh. Luật sư cũng nêu nguyên nhân, điều kiện dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo là do hai bên đã có mâu thuẫn từ năm 2015 mà chưa được giải quyết triệt để. Tuy nhiên, vì hai bên có mâu thuẫn với nhau từ trước nên đại diện Viện kiểm sát không đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội có tính chất côn đồ đối với các bị cáo là hoàn toàn phù hợp. Đối với việc Luật sư kiến nghị Cơ quan điều tra phục hồi điều tra vụ án xảy ra vào năm 2015 do anh S gây ra cho gia đình bị cáo không thuộc thẩm quyền xem xét của Hội đồng xét xử trong vụ án này. Với những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận những lời bào chữa trên của Luật sư.

[4] Xét tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ. Chỉ vì mâu thuẫn trong cuộc sống mà các bị cáo sẵn sàng sử dụng bạo lực, dùng dao là hung khí nguy hiểm để đánh, chém các bị hại gây thương tích, trong khi việc giải quyết mâu thuẫn, bất đồng có thể thực hiện bằng

lời nói, hòa giải hoặc bằng biện pháp ôn hòa khác. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một cách có chủ tâm và ý thức, các bị cáo rất xem thường sức khỏe của người khác, hành xử bạo lực và xem thường pháp luật. Hành vi của các bị cáo còn làm ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang, lo sợ cho quần chúng nhân dân. Bị cáo Lộc Cô N dùng dao gây thương tích cho anh X với tỷ lệ thương tật đến 25% và cho anh S với tỷ lệ thương tật 03%, khung hình phạt tù từ 02 năm đến 06 năm, thuộc trường hợp nghiêm trọng. Đối với bị cáo Lộc Sà T cùng với bị cáo Lộc Cô N dùng dao gây thương tích cho anh S với tỷ lệ thương tật 03%, khung hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Vì vậy, tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo Lộc Cô N cao hơn bị cáo Lộc Sà T. Các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội nhưng không có bàn bạc kỹ lưỡng, câu kết chặt chẽ, phân công vai trò cụ thể nên chỉ là đồng phạm giản đơn.

[5] Xét về nhân thân: Tài liệu về lý lịch thể hiện các bị cáo có nhân thân tốt, chưa từng có tiền án, tiền sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

[6.1] Đối với bị cáo Lộc Cô N: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Về các tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, có thái độ thành khẩn khai báo, trong thời gian Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 15.000.000 đồng tại Cơ quan thi hành án dân sự nhằm khắc phục một phần thiệt hại cho bị hại X và cũng thể hiện được thái độ ăn năn hối cải của bị cáo; Sau khi bị truy nã, bị cáo đã đến cơ quan Công an đầu thú; Bị cáo là người dân tộc Khmer, có trình độ học vấn thấp, khả năng am hiểu pháp luật còn hạn chế; Cha ruột của bị cáo (ông Lộc Th) là người có công với cách mạng, là người trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc được Bộ Tư lệnh Quân khu 9 ra Quyết định số 015/QĐ-BTL ngày 08/5/2014 về việc thực hiện chế độ trợ cấp một lần, nên Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là phù hợp nên cần chấp nhận.

[6.2] Đối với bị cáo Lộc Sà T: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Về các tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, trong thời gian Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 5.000.000 đồng tại Cơ quan thi hành án dân sự nhằm khắc phục một phần thiệt hại cho bị hại S và cũng thể hiện được thái độ ăn năn hối cải của bị cáo; Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Bị cáo là người dân tộc Khmer, có trình độ học vấn thấp, khả năng am hiểu pháp luật còn hạn chế; Cha ruột của bị cáo (ông Lộc Th) là người có công với cách mạng nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

[6] Về áp dụng hình phạt: Xét thấy cần áp dụng một mức hình phạt tương xứng với hành vi của các bị cáo sao cho vừa đảm bảo tính giáo dục, vừa răn đe phòng ngừa chung. Đối với bị cáo Lộc Sà T có nhiều tình tiết giảm nhẹ và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo là đồng phạm trong vụ án với vai trò không đáng kể, nên không cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội cũng đảm bảo cho việc giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân tốt, biết tôn trọng pháp luật, sống có ích cho gia đình và xã hội. Căn cứ hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ điều kiện áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự để xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo T như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật. Đối với bị cáo Lộc Cô N có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, trong đó có ít nhất 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nên cần áp dụng thêm Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng, nhằm đảm bảo quyền được hưởng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo. Hội đồng xét xử chấp nhận mức án đề nghị đối với bị cáo Lộc Cô N như ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, cần cách ly bị cáo Lộc Cô N

khỏi đời sống xã hội trong một thời gian đủ để cải tạo bị cáo thành công dân tốt, biết tôn trọng pháp luật, sống có ích cho gia đình và xã hội.

[7] Về bồi thường thiệt hại: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, anh Lộc Ái X yêu cầu bị cáo Lộc Cô N bồi thường tổng cộng 102.000.000 đồng, trong đó có 2.000.000 đồng là tiền tổn thất tinh thần; Anh Lý Văn S yêu cầu bị cáo Lộc Cô N bồi thường 9.451.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo Lộc Cô N đồng ý bồi thường cho bị hại từ 30 đến 40 triệu đồng nhưng đến khi chấp hành xong hình phạt mới có thể đi làm kiếm tiền bồi thường.

[7.1] Đối với thiệt hại của anh Lộc Ái X: Theo bảng kê số tiền chi phí (bút lục 283) để yêu cầu các bị cáo bồi thường là quá cao và không phù hợp nên Hội đồng xét xử sẽ tính lại căn cứ theo quy định tại Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Số tiền có hóa đơn chứng từ hợp lệ (bút lục 270-282, 288-298) là 7.452.652 đồng (trong đó, chi phí điều trị là 6.542.652 đồng, 13 vé xe đi tái khám x 70.000 đồng = 910.000 đồng). Tiền xe cấp cứu 500.000 đồng từ Hà Tiên đến Rạch Giá, tuy bị hại không cung cấp được hóa đơn, chứng từ nhưng đây là chi phí hợp lý cho việc cứu chữa nên cần chấp nhận. Anh X nhập viện điều trị vết thương từ ngày 08/10/2018 đến ngày 12/10/2018 là 05 ngày, nên thu nhập bị mất do nằm viện điều trị là 05 ngày. Anh X khai trước khi bị thiệt hại làm nghề đánh bắt ghẹ thuê được trả lương 350.000 đồng/ngày nhưng không có gì chứng minh mức thu thập. Tuy nhiên nghề của anh X là loại lao động phổ thông, không ổn định. Theo Công văn số 04/CV-LĐTBXH ngày 10/02/2020 của Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội thành phố H phúc đáp Công văn của Tòa án về cung cấp thông tin đối với mức thu nhập bình quân của một người lao động phổ thông trong thời điểm hiện nay trên địa bàn Hà Tiên là mức lương tối thiểu vùng II, tương ứng số tiền 3.920.000 đồng/tháng, trung bình là 131.000 đồng/ngày. Tuy nhiên, tính luôn chi phí ăn uống, bồi dưỡng cần chấp nhận thu nhập bị mất một ngày là 200.000 đồng x 05 ngày bằng 1.000.000 đồng. Chi phí của người chăm sóc (mẹ bị hại) được tính là 200.000 đồng x 05 ngày bằng 1.000.000 đồng. Sau khi ra viện, bị hại cần thời gian hồi phục sức khỏe và bị mất thu nhập được tính trong thời gian là 60 ngày x 200.000 đồng bằng 12.000.000 đồng. Tiền tổn thất tinh thần theo yêu cầu

của anh X là 2.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền thiệt hại của anh X được chấp nhận là: 7.452.652 đồng + 500.000 đồng + 1.000.000 đồng + 1.000.000 đồng + 12.000.000 đồng + 2.000.000 đồng = 23.952.652 đồng. Thiệt hại của anh X do bị cáo Lộc Cô N gây ra nên cần buộc bị cáo Lộc Cô N phải có trách nhiệm bồi thường số tiền trên cho anh X. Bị cáo Lộc Cô N đã nộp số tiền 15.000.000 đồng tại Cơ quan thi hành án dân sự để bồi thường thiệt hại cho anh X, số tiền còn lại là 8.952.652 đồng buộc bị cáo phải bồi thường tiếp cho anh X.

[7.2] Đối với thiệt hại của anh Lý Văn S: Theo bảng thống kê số tiền chi phí (bút lục 299) để yêu cầu các bị cáo bồi thường là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử sẽ tính lại căn cứ theo quy định tại Điều 589 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Số tiền có hóa đơn chứng từ hợp lệ (bút lục 303-305, 307) là 1.814.544 đồng (trong đó, chi phí điều trị là 999.544 đồng, chi phí sửa xe là 815.000 đồng do Lộc Sà T áp sát đầu xe của anh S gây hư hỏng). Anh S nhập viện điều trị vết thương từ ngày 08/10/2018 đến ngày 11/10/2018 là 04 ngày, nên thu nhập bị mất do nằm viện điều trị là 04 ngày. Anh S khai trước khi bị thiệt hại làm nghề ngư phủ, thu nhập mỗi ngày được 400.000 đồng nhưng không có gì chứng minh mức thu thập. Tuy nhiên nghề của anh S là loại lao động phổ thông. Cũng như đã phân tích ở đoạn [7.1], tính luôn chi phí ăn uống, bồi dưỡng cần chấp nhận thu nhập bị mất một ngày là 200.000 đồng x 04 ngày bằng 800.000 đồng. Chi phí của người chăm sóc được tính là 200.000 đồng x 04 ngày bằng 800.000 đồng. Sau khi ra viện, bị hại cần thời gian hồi phục sức khỏe và bị mất thu nhập, theo mức độ thương tích được tính trong thời gian là 10 ngày x 200.000 đồng bằng 2.000.000 đồng. Tại phiên tòa, anh S không yêu cầu bị cáo bồi thường tiền tổn thất tinh thần nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Như vậy, tổng số tiền thiệt hại của anh S được chấp nhận là: 1.814.544 + 800.000 đồng + 800.000 đồng + 2.000.000 đồng = 5.414.544 đồng. Thiệt hại của anh S do các bị cáo Lộc Cô N và Lộc Sà T cùng gây ra nên cần buộc các bị cáo liên đới bồi thường số tiền trên cho anh S. Bị cáo Lộc Sà T đã nộp số tiền 5.000.000 đồng tại Cơ quan thi hành án dân sự để bồi thường thiệt hại cho anh S, số tiền còn lại là 414.544 đồng buộc các bị cáo phải bồi thường tiếp cho anh S.

[8] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Cần tịch thu tiêu hủy: Một đoạn cây tre dạng trụ tròn, chiều dài 88cm, đường kính rộng 4,5cm; Trao trả cho ông Lộc Th, là chủ sở hữu: Một cây dao quắm bằng kim loại màu đen, chiều dài 51cm, lưỡi dao sắc, mũi dao có hình bầu rộng 08cm (dao đã qua sử dụng).

[9] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Lộc Cô N phải chịu án phí có giá ngạch 5% trên số tiền phải bồi thường cho bị hại anh X, số tiền án phí là 1.197.600 đồng (23.952.652 x 5%); Các bị cáo Lộc Cô N và Lộc Sà T cùng chịu án phí có giá ngạch trên số tiền bồi thường cho anh S số tiền là 300.000 đồng, mỗi bị cáo chịu 150.000 đồng.

[10] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 134, 17, 38, 47, 51, 54 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

- Điều 106 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Các điều 584, 585, 586, 587, 589, 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

1. Tuyên bố các bị cáo Lộc Cô N và Lộc Sà T phạm tội "Cố ý gây thương tích".

- Áp dụng điểm c, đ khoản 2 Điều 134; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lộc Cô N 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lộc Sà T 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (06/03/2020). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh Kiên Giang để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 68, khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về bồi thường thiệt hại:

- Buộc bị cáo Lộc Cô N phải bồi thường cho anh Lộc Ái X số tiền 23.952.652đ (Hai mươi ba triệu chín trăm năm mươi hai nghìn sáu trăm năm mươi hai đồng). Bị cáo Lộc Cô N đã nộp số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số 00361 ngày 03/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Kiên Giang, số tiền còn lại là 8.952.652đ (Tám triệu chín trăm năm mươi hai nghìn sáu trăm năm mươi hai đồng) bị cáo Lộc Cô N phải bồi thường tiếp cho anh X.

- Buộc các bị cáo Lộc Cô N và Lộc Sà T phải liên đới bồi thường cho anh Lý Văn S số tiền 5.414.544đ (Năm triệu bốn trăm mười bốn nghìn năm trăm bốn mươi bốn đồng). Bị cáo Lộc Sà T đã nộp số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng)

theo Biên lai thu tiền số 00360 ngày 03/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Kiên Giang, số tiền còn lại là 414.544đ (Bốn trăm mười bốn nghìn năm trăm bốn mươi bốn đồng) các bị cáo Lộc Cô N và Lộc Sà T phải bồi thường tiếp cho anh S.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: Một đoạn cây tre dạng trụ tròn, chiều dài 88cm, đường kính rộng 4,5cm.

- Trao trả cho ông Lộc Th, là chủ sở hữu: Một cây dao quắm bằng kim loại màu đen, chiều dài 51cm, lưỡi dao sắc, mũi dao có hình bầu rộng 08cm (dao đã qua sử dụng).

Các vật chứng nêu trên hiện đang bảo quản tại kho vật chứng Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H theo Quyết định chuyển vật chứng số 01/QĐ-VKSHT ngày 26/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/12/2019 giữa đại diện Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố H và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

4. Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Lộc Cô N và Lộc Sà T, mỗi bị cáo nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Lộc Cô N nộp 1.347.600đ (Một triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn sáu trăm đồng); bị cáo Lộc Sà T nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. H;
- Chi cục THADDS Tp. H;
- Công an Tp. H;
- UBND phường P, H-KG;
- Bị cáo;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tạ Chí Dũng